TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13** /2019/HNGĐ-PT
Ngày: 01 - 11 - 2019
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung và ông Tôn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu D**,** sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên lạc: Khoa ngoại sản Bệnh viện G, 17 B, phường P, thành phố H. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Văn Phước, Trưởng Văn phòng luật sư Hue Law, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 33 đường Tố Hữu - Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 71 X, phường T, thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty cổ phần xây dựng công trình H.

Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ: 71 X, phường T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H, Giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ: 71 X, phường T, thành phố H. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị H và Công ty cổ phần xây dựng công trình H:

- Bà Lê Thị Trà My, Luật sư của Công ty luật hợp danh Thiên Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 70 Phan Chu Trinh - Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hoài Nam, Luật sư của Công ty luật hợp danh Thiên Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 70 Phan Chu Trinh - Huế. Có mặt.

+ Ông Trần Văn P; Địa chỉ: Thôn 4, xã XH, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh. (đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, văn bản ủy quyền ngày 31/10/2018, có chứng thực của UBND xã XH, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh). Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989. Địa chỉ liên hệ: 71 X, phường T, thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/4/2017 và các lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Hữu D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ra Quyết định số 194/2016/QĐST-HNGĐ về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị H. Trước đó ông đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ra Quyết định số 194A/2016/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2016 về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Sau khi ly hôn, do các bên không tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên ông D có đơn khởi kiện với những yêu cầu như sau:

+ Về tài sản chung:

* Tài sản của Công ty cổ phần xây dựng công trình H: Ngày 20/6/2011, vợ chồng ông có thành lập Công ty cổ phần xây dựng công trình H, đã được Phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với số vốn điều lệ 4.900.000.000đ, mệnh giá cổ phần 10.000đ, trong đó vợ ông là bà Nguyễn Thị H làm giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty đóng góp 4.400.000.000đ, chiếm 89,8% cổ phần trong Công ty. Về mặt giấy tờ thì bà H góp 4.400.000.000đ nhưng trên thực tế thì vợ chồng ông chỉ góp 800.000.000đ. Quá trình hoạt động của Công ty đã phát sinh lãi nên Công ty đã mua thêm 01 xe Ô tô Fortuner, biển kiểm soát 75A-049.64, lúc mua có giá trị là: 935.000.000đ, giá trị hiện tại 850.000.000đ, 01 xe mô tô SH125I, biển kiểm soát 75B1-212.86, lúc mua có giá trị 75.000.000đ, giá trị hiện tại 40.000.000đ. Tổng cộng 1.690.000.000đ : 2 = 845.000.000đ

* Tài sản khác: 01 xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 36B3-379.03 đứng tên ông Nguyễn Hữu D, lúc mua năm 2013 có giá trị 42.500.000đ, giá trị hiện nay 25.000.000đ. Đối với xe này, ông D xin nhận xe và thanh toán lại cho bà H một nửa giá trị xe.

+ Về nợ chung: Ngày 12/01/2016, ông D có vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế-Phòng Giao dịch Bến Ngự số tiền 70.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/2323224/HDTD với mục đích là đáo hạn để trả nợ khoản vay mua xe máy tô Honda AirBlade biển kiểm soát 36B3-379.03 và phục vụ các khoản sinh hoạt trong gia đình. Khoản vay này hiện nay ông đang trả và ông sẽ tiếp tục trả. Ông D đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán lại cho ông một nửa khoản vay tương đương với số tiền 35.000.000đ.

* Bị đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

+ Tài sản của Công ty cổ phần xây dựng công trình H: Ngày 12/6/2011, vợ chồng bà có góp vào Công ty số tiền 5.000.000đ chứ không phải là 800.000.000đ như ông D trình bày. Đối với 01 xe Ô tô Fortuner, biển kiểm soát 75A-049.64, 01 xe mô tô SH125I, biển kiểm soát 75B1-212.86 đều đứng tên Công ty cổ phần xây dựng công trình H, các tài sản này hình thành từ nguồn vốn do Công ty vay do đó không chấp nhận yêu cầu của ông D chia giá trị của 02 chiếc xe. Đối với số tiền vợ chồng bà góp vào Công ty 5.000.000đ thì đề nghị Tòa án xem xét để giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 36B3-379.03 đứng tên ông Nguyễn Hữu D thì bà H không yêu cầu Tòa án chia, giao cho ông D quản lý, sử dụng.

+ Đối với khoản nợ 70.000.000đ: Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ vợ chồng bà sống ly thân với nhau, mục đích vay phục vụ sinh hoạt đời sống cho ông D nên bà H không đồng ý yêu cầu của ông D buộc bà phải thanh toán lại cho ông 35.000.000đ.

* Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây dựng công trình H trình bày:

- Ngày 12/6/2011, vợ chồng ông D, bà H chỉ góp vào Công ty 5.000.000đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với 01 xe Ô tô Fortuner, biển kiểm soát 75A-049.64, 01 xe mô tô SH125I, biển kiểm soát 75B1-212.86 đều đứng tên Công ty cổ phần xây dựng công trình H, các tài sản này hình thành từ nguồn vốn do Công ty vay do đó không chấp nhận yêu cầu của ông D chia giá trị của 02 chiếc xe.

- Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H1 cũng trình bày ý kiến như Công ty cổ phần xây dựng công trình H.

- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế-Phòng Giao dịch Bến Ngự có văn bản trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ vay của ông Nguyễn Hữu D trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/5/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 240/2018/QĐ-CCTLCC yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng công trình H cung cấp các chứng cứ như Giấy chứng nhận góp vốn, Sổ đăng ký cổ đông, Sổ tiền mặt, Biên bản họp...đã tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị H - người đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng Công ty không cung cấp các tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Chi cục thuế thành phố Huế cung cấp cho Tòa án các báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2011-2017, tờ khai thuế giá trị gia tăng của Công ty từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018.

Tại phiên toà sơ thẩm:

* Nguyên đơn - ông Nguyễn Hữu D trình bày:

- Đối với khoản nợ chung với số tiền 70.000.000đ vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế - Phòng Giao dịch Bến Ngự, hiện nay ông đã trả gần hết, chỉ còn 03 tháng nữa là trả xong nên ông D tự nguyện tiếp tục trả, xin rút yêu cầu giải quyết khoản nợ này.

- Đối với xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 36B3-379.03 đứng tên ông Nguyễn Hữu D thì bà H không yêu cầu Tòa án chia, giao cho ông D quản lý, sử dụng nên ông cũng rút yêu cầu chia tài sản này.

- Đối với việc chia tài sản chung là cổ phần của bà H trong Công ty cổ phần xây dựng công trình H, trước đây ông D có yêu cầu chia số tiền vợ chồng ông góp vào công ty 800.000.000đ, giá trị hiện tại 01 xe Ô tô Fortuner 850.000.000đ, 01 xe mô tô SH125I 40.000.000đ. Tổng cộng các khoản và chia đôi thì mỗi người được hưởng 857.500.000đ. Tại phiên tòa ông D thay đổi lời khai, ông đề nghị chia cổ phần bà H đóng góp vào Công ty là 4.400.000.000đ và lợi nhuận từ khi thành lập đến nay, tuy nhiên ông chỉ yêu cầu chia cho ông số tiền 857.500.000đ theo yêu cầu khởi kiện của ông và ông đã đóng tạm ứng án phí.

* Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà chỉ đóng góp vào Công ty với số tiền 5.000.000đ, bà đồng ý thanh toán cho ông D 50% số tiền góp vào Công ty và lợi nhuận của Công ty từ khi thành lập cho đến khi chấm dứt hôn nhân giữa bà và ông D theo báo cáo tài chính của Công ty. Trong thời gian Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và tuyên án, bà H cam kết sẽ cung cấp các chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và ngày 02/11/2018 bà H đã cung cấp các bản phô tô Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ quỹ tiền mặt (không có đóng dấu của Công ty).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 36/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 147; Khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 36, 59, 64 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1, 3 Điều 112, khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014; Điểm a khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán một nửa khoản nợ chung đối với khoản vay 70.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/2323224/HDTD ngày 12/01/2016 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế-Phòng Giao dịch Bến Ngự và yêu

cầu chia tài sản chung đối với xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 36B3-379.03 đứng tên ông Nguyễn Hữu D.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung sau khi ly hôn liên quan đến cổ phần của bà Nguyễn Thị H góp tại Công ty cổ phần xây dựng công trình H. Xác định tài sản chung của bà H, ông D là giá trị cổ phần và lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng công trình H theo tỷ lệ 89,8% là 4.443.614.962đ.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu D số tiền 857.500.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu D phải chịu: 37.725.000đ, ông D đã nộp 18.862.500đ tại biên lai số 002973 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, còn phải nộp thêm 18.862.500đ.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu: 76.436.150đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/11/2018, bà Nguyễn Thị H và Công ty cổ phần xây dựng công trình H có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn, Công ty Công ty cổ phần xây dựng công trình H thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận tài sản chung của vợ chồng góp vốn vào Công ty là 5 triệu đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và Công ty Công ty cổ phần xây dựng công trình H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành theo quy định của pháp luật, không có sai phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung: đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nội dung vụ án:

- Về tài sản chung: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ cổ phần của bà Nguyễn Thị H tại Công ty cổ phần xây dựng công trình H có trị giá 4.400.000.000đ, chiếm tỷ lệ 89,8% trong tổng số vốn của Công ty 4.900.000.000đ. Sau đó, ông D chỉ yêu cầu được chia số tiền 845.000.000 đồng. Ông D cho rằng vào thời điểm thành lập Công ty, vợ chồng ông đóng góp 800.000.000 đồng để thành lập công ty, còn ông P, bà H1 chỉ đứng tên chứ không có đóng góp gì. Phía bà H và ông P, bà H1 lại cho rằng số tiền 4,9 tỷ chỉ là số tiền trên giấy tờ đăng ký doanh nghiệp, thực tế thì các cổ đông mới đóng góp được 10 triệu đồng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H và Công ty cổ phần xây dựng công trình H thấy rằng;

Ở cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát có công văn yêu cầu Tòa án cần làm rõ để đối chất về tài sản chung của vợ chồng bà H có trong Công ty, tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử có hỏi về mâu thuẫn này. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án vẫn chưa có căn cứ để xác định được giá trị sở hữu cổ phần của bà H tại Công ty nên cần có kiểm toán tài chính niên độ tại thời điểm tranh chấp mới có căn cứ để giải quyết vụ án.

Mặt khác, theo lời khai của ông D, bà H và 2 cổ đông sáng lập thì các báo cáo tài chính và ý kiến của các bên đương sự có mâu thuẫn, chưa có sự thống nhất về số tiền góp cổ phần nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Vì vậy, việc kiểm toán tài chính là cần thiết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H tạm ngưng phiên tòa lần nữa để tiến hành các thủ tục kiểm toán tài chính của Công ty H nhằm làm căn cứ để giải quyết vụ án. Xét thấy, tại phiên tòa ngày 15.5.2019 Tòa án đã tạm ngưng theo yêu cầu của các đương sự để tiến hành các thủ tục kiểm toán tài chính của Công ty H. Nhưng sau đó mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần bà H vẫn không đến để nộp tạm ứng chi phí kiểm toán,… Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H.

Toà án nhân dân thành phố Huế chỉ căn cứ vào các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty H trong khi các báo cáo này chưa được kiểm toán để giải quyết vụ án là chưa có cơ sở.

[3] Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải hủy toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Huế và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm như ý kiến phân tích và lời đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật. Khi tiến hành kiểm toán tài chính cần làm rõ các khoản nợ của Công ty H như trình bày của bà H.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: sẽ được xem xét sau khi xét xử sơ thẩm lại.

Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 275, khoản 1 điều 277 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Huế giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu D**,** sinh năm 1972.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm sẽ quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu. Hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H (tại biên lai thu số 006116 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế) và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty cổ phần xây dựng công trình H (tại biên lai thu số 006117 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thanh Lộc

Nơi nhận:
- *TANDCC Đà nẵng;*
- *VKSND tỉnh TT Huế;*
- *TAND TP Huế;*
- *Chi cục THA TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Toà DS;*
- *Lưu Văn phòng.*